TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/DS-ST
Ngày: 04-08-2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quế Phượng
Ông Nguyễn Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ C, ấp G, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Thiềm Thị G, sinh năm 1965.

Địa chỉ: F T, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Do quen biết, vào đầu năm 2023 bà H cho bà Thiềm Thị G vay 500.000.000 đồng để nuôi cá. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà G đã thanh toán được 270.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng từ việc bà H thu cá của bà G để bán và trừ nợ. Sau khi chốt công nợ, ngày 20/8/2023 các bên lập "Giấy mượn tiền", xác nhận bà G còn nợ 230.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, đến ngày 20/11/2023 phải trả nợ gốc. Giấy vay 500.000.000 đồng ban đầu đã được các bên hủy bỏ sau khi chốt lại công nợ.

"Giấy mượn tiền" ngày 20/8/2023 do ông Trần Văn C (đã chết do bị tai biến) viết giúp, bà G ký và ghi họ tên phía dưới. Phần ghi số tiền bằng số có sửa từ 330.000.000 đồng thành 230.000.000 đồng do ghi nhầm, còn phần bằng chữ vẫn ghi rõ "hai trăm ba mươi triệu đồng".

Đến hạn, bà G không thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Bà H yêu cầu bà G trả 230.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 20/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Thiềm Thị G trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà H nhưng chỉ vay 200.000.000 đồng. Bà đã trả trước 40.000.000 đồng tiền lãi bằng việc bán cá lóc cho bà H để cấn trừ. Sau đó, do không có khả năng tiếp tục trả lãi nên bà H cộng thêm 30.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay và yêu cầu bà ký giấy nợ với tổng số tiền 230.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà H ghi mức lãi 1%/tháng vào giấy. Bà chỉ đồng ý trả 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, không đồng ý trả 30.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có địa chỉ tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị H, bà Thiềm Thị G vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt đương sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả 230.000.000 đồng tiền nợ gốc:

"Giấy mượn tiền" ngày 20/8/2023 thể hiện bà G vay bà H 230.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/11/2023. Bà G thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy là của mình và biết giấy ghi số tiền 230.000.000 đồng khi ký. Mặc dù phần ghi bằng số có sự sửa chữa, chữ số sau khi được sửa thấy là 230.000.000 đồng nhưng phù hợp với phần ghi bằng chữ là "hai trăm ba mươi triệu đồng" phía sau phần số. Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền được các bên xác nhận trong giấy là 230.000.000 đồng; việc sửa phần ghi bằng số không làm thay đổi nội dung của giấy nhận nợ.

Bà G cho rằng chỉ vay 200.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng là tiền lãi được cộng vào nợ gốc. Tuy nhiên, giấy nhận nợ không thể hiện việc nhập lãi vào nợ gốc mà xác định số tiền vay là 230.000.000 đồng và tiền lãi được thỏa thuận

riêng. Bà G biết nội dung này nhưng vẫn ký xác nhận, đồng thời không cung cấp được chứng cứ chứng minh 30.000.000 đồng là tiền lãi.

Đối với khoản 40.000.000 đồng từ việc bán cá, bà G xác định đã dùng để trả tiền lãi trước khi ký giấy nhận nợ; bà H xác định khoản tiền này đã được trừ vào khoản vay ban đầu, sau đó các bên mới chốt số nợ còn lại là 230.000.000 đồng. Như vậy, theo lời khai của cả hai bên, khoản 40.000.000 đồng đều phát sinh trước khi lập giấy ngày 20/8/2023, nên không có căn cứ tiếp tục khấu trừ vào số nợ đã được bà G ký xác nhận.

Theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Giàu có nghĩa vụ chứng minh cho ý kiến phản đối của mình. Do bà G không chứng minh được trong số tiền 230.000.000 đồng có 30.000.000 đồng tiền lãi hoặc đã thanh toán khoản tiền nào sau ngày lập giấy nhận nợ, nên có đủ căn cứ xác định bà G còn nợ bà H 230.000.000 đồng. Đến hạn nhưng bà G không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu của bà H về số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi 1%/tháng:

"Giấy mượn tiền" ngày 20/8/2023 ghi lãi suất 1%/tháng. Bà G cho rằng các bên không thỏa thuận lãi và nội dung này do bà H tự ghi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mức lãi suất được ghi thêm sau khi bà ký. Mặt khác, bà G khai đã trả trước 40.000.000 đồng tiền lãi và sau đó không có khả năng tiếp tục trả lãi. Lời khai này mâu thuẫn với chính ý kiến của bà G cho rằng khoản vay không có thỏa thuận lãi.

Bà H trình bày khi chốt số nợ 230.000.000 đồng, các bên thỏa thuận tiền lãi 2.300.000 đồng/tháng, tương ứng 1%/tháng, phù hợp với nội dung giấy nhận nợ. Mức lãi suất này tương đương 12%/năm, không vượt quá giới hạn 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực.

Theo thỏa thuận, bà G phải trả lãi từ ngày 20/8/2023 và trả nợ gốc vào ngày 20/11/2023. Khi đến hạn, bà G không thanh toán nên phải chịu lãi đối với khoản nợ chưa trả theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tiếp tục tính lãi 1%/tháng trên số tiền 230.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm; mức yêu cầu này không vượt quá thỏa thuận và phạm vi nghĩa vụ của bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 04/8/2026 là 35 tháng 15 ngày. Tiền lãi được xác định: 230.000.000 đồng × 1%/tháng × 35 tháng 15 ngày = 81.650.000 đồng.

Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Thiềm Thị Giàu C1 nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 230.000.000 đồng tiền nợ gốc và 81.650.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 311.650.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Thiềm Thị G sinh năm 1965, là người cao tuổi, đã có đơn yêu cầu miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Thiềm Thị G về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*":

Buộc bà Thiềm Thị G trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền 311.650.000 đồng (Ba trăm mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 04/8/2026 là 81.650.000 đồng (T mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thiềm Thị G.

2.2. H1 lại cho bà Trần Thị H số tiền 7.302.500 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031094 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Châm